

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 15-11-2018.

“Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tám.

Ông Võ Thành Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2018/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2018 “Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Quốc H, sinh năm: 1984 (có mặt).

Cư trú tại: Số nhà 801, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh S.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1991 (vắng mặt).

Cư trú tại: Số nhà 801, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Phan Quốc H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Quốc H và chị Nguyễn Thị Y tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2009, nhưng đến ngày 16/7/2012 anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Sau khi kết hôn anh H và chị Y chung sống hạnh phúc, đến tháng 10 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, vợ chồng thường xuyên cãi vã qua lại, nên cuộc sống

không còn hạnh phúc. Anh H và chị Y đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2014 cho đến nay, nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị Y.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống anh H và chị Y có 02 người con chung tên Phan Yên V, sinh ngày 25/3/2010 và Phan Quốc H, sinh ngày 09/6/2012. Hiện nay cháu V và cháu H đang sống chung với anh H. Anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V và cháu H, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống anh H và chị Y không có tài sản chung, nên anh H không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống anh H và chị Y không có nợ chung, nên anh H không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Phan Quốc H vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập chị Nguyễn Thị Y tham gia phiên họp hai lần họp lệ, mà chị Y vắng mặt không có lý do và chị Y cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Quốc H. Về hôn nhân: xử cho anh H được ly hôn với chị Y; về con chung: giao 02 cháu Phan Yên V và Phan Quốc H cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu V và cháu H thành niên, chị Y không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: anh H và chị Y không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2018 của anh Phan Quốc H thì anh H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Y. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều

28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Chị Nguyễn Thị Y là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Y.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Quốc H và chị Nguyễn Thị Y tự nguyện kết hôn khi đã đủ tuổi kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh S theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh H và chị Y là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, đến tháng 10 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H và chị Y chung sống không còn hạnh phúc. Khi phát sinh mâu thuẫn thì anh H và chị Y không cùng nhau khắc phục, tìm biện pháp giải quyết, động viên, an ủi nhau và đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2014 cho đến nay. Từ khi sống ly thân cho đến nay anh H và chị Y không gặp nhau để bàn bạc về việc hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Anh H yêu cầu được ly hôn, chị Y không có ý kiến gì.

Xét thấy: Hiện nay hôn nhân của anh H và chị Y đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh H yêu cầu được ly hôn với chị Y là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho anh H được ly hôn với chị Y.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh Phan Quốc H và chị Nguyễn Thị Y có 02 người con chung tên Phan Yến V, sinh ngày 25/3/2010 và Phan Quốc H, sinh ngày 09/6/2012. Từ khi anh H và chị Y sống ly thân cho đến nay anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và cháu H. Anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V và cháu H, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con. Chị Y không có ý kiến gì.

Xét thấy: Từ khi anh H và chị Y sống ly thân cho đến nay anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và cháu H, hiện nay cháu V và cháu H đang có cuộc sống ổn định, được đi học đúng độ tuổi; nguyện vọng của cháu V (hiện nay 08 tuổi) cũng muốn được tiếp tục sống chung với anh H. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu V và cháu H và theo nguyện vọng của cháu V, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu V và cháu H cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu V và cháu H thành niên. Do anh H không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con, nên chị Y không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho chị Y, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống anh Phan Quốc H và chị Nguyễn Thị Y không có tài sản chung và nợ chung, anh H và chị Y không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Trong thời gian chung sống anh Phan Quốc H và chị Nguyễn Thị Y không có nợ chung, anh H và chị Y không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc anh Phan Quốc H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng anh H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006298 ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy anh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; chị Nguyễn Thị Y không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ngoài ra, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Quốc H.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Phan Quốc H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Y.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Phan Yến V, sinh ngày 25/3/2010 và Phan Quốc H, sinh ngày 09/6/2012 cho anh Phan Quốc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu V và cháu H thành niên. Chị Y không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho chị Y, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Quốc H và chị Nguyễn Thị Y không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phan Quốc H phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng anh H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006298 ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy anh H đã

nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; chị Nguyễn Thị Y không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn anh Phan Quốc H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Y không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- UBND xã An Thạnh 1;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo